



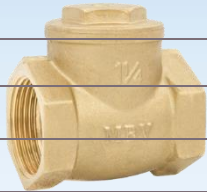





VAN VÒI MIHA

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

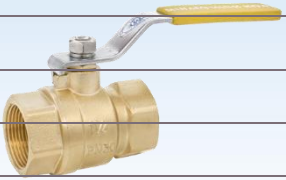

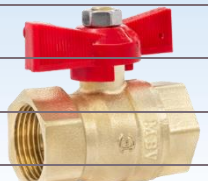
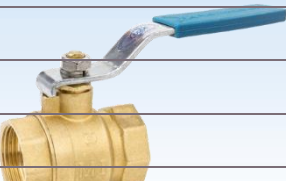

ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ/CÁI

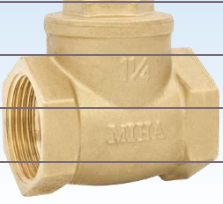

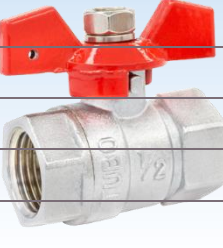


STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ (Chưa VAT)	GIÁ (Có VAT)	SỐ (Cái/Hộp)	SỐ (Cái/Thùng)	
1		VAN CỬA ĐỒNG MIHA - PN16	DN 8	71.000	78.100	10	100
		DN 10	71.000	78.100	10	100	
		DN 15	112.000	123.200	10	100	
		DN 20	137.000	150.700	10	80	
		DN 25	191.000	210.100	6	60	
		DN 32	282.000	310.200	4	32	
		DN 40	359.000	394.900	4	24	
		DN 50	574.000	631.400	2	16	
		DN 65	1.145.000	1.259.500	1	10	
		DN 80	1.471.000	1.618.100	1	6	
		DN 100	2.935.000	3.228.500	1	4	
2		VAN CỬA ĐỒNG MBV - PN10	DN 15	85.500	94.100	10	100
		DN 20	107.500	118.300	10	80	
		DN 25	145.000	159.500	6	60	
		DN 32	243.000	267.300	5	40	
		DN 40	302.000	332.200	4	24	
		DN 50	432.000	475.200	2	16	
		DN 65	985.000	1.083.500	1	10	
		DN 80	1.309.000	1.439.900	1	6	
		DN 100	2.275.000	2.502.500	1	6	
3		VAN CỬA ĐỒNG MI - PN10	DN 15	76.000	83.600	10	100
		DN 20	91.500	100.700	10	80	
		DN 25	138.500	152.400	6	60	
		DN 32	209.000	229.900	5	40	
		DN 40	279.500	307.500	4	24	
		DN 50	391.500	430.700	2	16	
		DN 65	859.000	944.900	1	10	
		DN 80	1.030.000	1.133.000	1	6	
		DN 100	1.722.000	1.894.200	1	6	
4		VAN 1 CHIỀU ĐỒNG LẮT (MIHA - PN16)	DN 15	60.900	67.000	12	120
		MIHA - PN16	DN 20	88.000	96.800	10	100
		DN 25	142.500	156.800	8	80	
		DN 32	208.500	229.400	6	48	
		DN 40	327.500	360.300	4	32	




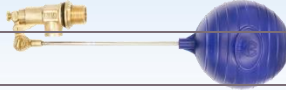


STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ (Chưa VAT)	GIÁ (Có VAT)	SỐ (Cái/ Hộp)	SỐ (Cái/ Thùng)	
		DN 50	512.000	563.200	2	18	
		DN 65	901.000	991.100	2	16	
		DN 80	1.478.000	1.625.800	1	8	
		DN 100	2.272.000	2.499.200	1	6	
5		VAN 1 CHIỀU ĐỒNG LA LẠT MBV - PN 10	DN 15	40.700	44.800	12	120
		DN 20	54.100	59.500	10	100	
		DN 25	92.500	101.800	8	80	
		DN 32	176.500	194.200	6	48	
		DN 40	219.000	240.900	4	32	
		DN 50	385.000	423.500	2	18	
		DN 65	671.000	738.100	2	16	
		DN 80	890.000	979.000	1	12	
		DN 100	1.688.000	1.856.800	1	6	
		6		VAN 1 CHIỀU ĐỒNG LA LẠT MI - PN 10	DN 15	36.800	40.500
DN 20	52.200			57.400	10	100	
DN 25	79.500			87.500	8	80	
DN 32	159.500			175.500	6	48	
DN 40	191.500			210.700	4	32	
DN 50	329.000			361.900	2	18	
DN 65	655.000			720.500	2	16	
DN 80	855.000			940.500	1	12	
DN 100	1.636.000			1.799.600	1	6	
7				VAN 1 CHIỀU ĐỒNG LÒ XO NÔM ĐỒNG MIHA - PN 12	DN 15	60.000	66.000
		DN 20	82.500	90.800	15	150	
		DN 25	114.500	126.000	12	120	
		DN 32	243.500	267.900	6	60	
		DN 40	287.000	315.700	6	48	
		DN 50	381.000	419.100	4	32	
		DN 65	659.000	724.900	2	12	
		DN 80	820.000	902.000	1	12	
		DN 100	1.441.000	1.585.100	1	6	





STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ (Chưa VAT)	GIÁ (Có VAT)	SỐ (Cái/ Hộp)	SỐ (Cái/ Thùng)
8	VAN 1 CHIỀU ĐỒNG LÒ XO NÊM ĐỒNG MBV - PN 10 	DN 15	50.500	55.600	15	180
		DN 20	69.500	76.500	15	150
		DN 25	99.500	109.500	12	120
		DN 32	191.000	210.100	6	60
		DN 40	260.000	286.000	6	48
		DN 50	331.000	364.100	4	32
9	VAN BI ĐỒNG TAY BƯỚM MIHA - PN 16 	DN 15	79.000	86.900	12	120
		DN 20	108.000	118.800	10	100
10	VAN BI ĐỒNG TAY BƯỚM MẠ NIKEN MIHA - PN 16	DN 15	89.000	97.900	12	120
		DN 20	121.000	133.100	10	100
11	VAN BI ĐỒNG REN NGOÀI TAY GẠT MIHA - PN 16	DN 15	79.000	86.900	12	120
		DN 20	108.000	118.800	10	100

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ (Chưa VAT)	GIÁ (Có VAT)	SỐ (Cái/ Hộp)	SỐ (Cái/ Thùng)
12	VAN BI ĐỒNG REN NGOÀI TAY BƯỚM HỢP KIM MIHA - PN16	DN 15	79.000	86.900	12	120
		DN 20	108.000	118.800	10	100
13	VAN BI ĐỒNG REN TRONG REN NGOÀI TAY GẠT MIHA - PN16	DN 15	79.000	86.900	12	120
		DN 20	108.000	118.800	10	100
14	VAN BI ĐỒNG REN 3 NGÃ MIHA - PN16 	DN 15	72.000	79.200	8	80
15	VAN BI ĐỒNG TAY GẠT MÀU ĐỎ MIHA - PN 16 	DN 15	79.000	86.900	12	120
		DN 20	108.000	118.800	10	100
		DN 25	176.000	193.600	6	60
		DN 32	328.000	360.800	6	36
		DN 40	414.000	455.400	4	32
		DN 50	604.000	664.400	2	20
		DN 65	1.286.000	1.414.600	2	8
		DN 80	1.748.000	1.922.800	2	8
DN 100	3.111.000	3.422.100	1	2		
16	VAN BI ĐỒNG NỐI ỔNG MỀM MIHA - PN 16 	DN 15	99.000	108.900		
17	VAN BI REN TRONG REN NGOÀI MINI MIHA - PN 16 	F15 x M15	42.500	46.800	12	120




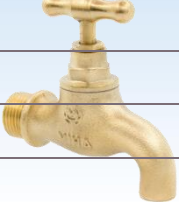

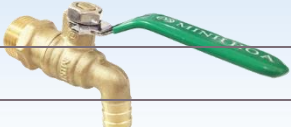
STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ (Chưa VAT)	GIÁ (Có VAT)	SỐ (Cái/ Hộp)	SỐ (Cái/ Thùng)	
18		VAN BI ĐỒNG GAS	DN 8	67.000	73.700	15	60
		TAY GẠT MÀU VÀNG MIHA - PN30	DN 10	68.000	74.800	15	60
			DN 15	83.000	91.300	12	120
			DN 20	112.000	123.200	10	100
			DN 25	192.000	211.200	6	60
			DN 32	354.000	389.400	6	48
			DN 40	466.000	512.600	4	32
			DN 50	710.000	781.000	2	20
			DN 65	1.568.000	1.724.800	1	8
19		VAN BI ĐỒNG TAY GẠT MBV - PN10	DN 15	73.000	80.300	12	120
			DN 20	88.000	96.800	10	100
			DN 25	153.200	168.500	6	60
			DN 32	273.300	300.600	6	48
			DN 40	363.500	399.900	4	32
			DN 50	579.300	637.200	2	20
			DN 65	1.194.000	1.313.400	2	8
			DN 80	1.643.000	1.807.300	2	8
			DN 100	2.663.000	2.929.300	1	2
20		VAN BI ĐỒNG TAY BƯỚM MBV - PN 10	DN 15	73.000	80.300	12	120
			DN 20	88.000	96.800	10	100
21		VAN BI ĐỒNG MI - PN 10	DN 15	54.000	59.400	12	120
			DN 20	71.500	78.700	10	100
			DN 25	110.500	121.600	6	60
			DN 32	233.500	256.900	6	48
			DN 40	334.500	368.000	4	32
			DN 50	481.000	529.100	2	20
22		VAN CẦU HƠI ĐỒNG MIHA - PN 16	DN 15	116.000	127.600	10	80
			DN 20	181.000	199.100	10	60
			DN 25	209.000	229.900	6	48
			DN 32	378.000	415.800	4	32
			DN 40	460.000	506.000	4	24
			DN 50	758.000	833.800	1	12





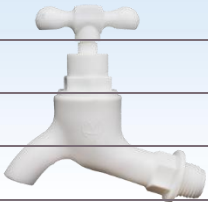
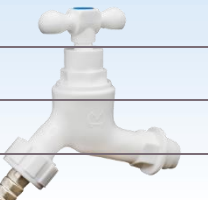
STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ (Chưa VAT)	GIÁ (Có VAT)	SỐ (Cái/ Hộp)	SỐ (Cái/ Thùng)
23	 <p>VAN 1 CHIỀU HƠI ĐỒNG MIHA - PN 16</p>	DN 15	71.000	78.100	12	120
		DN 20	121.000	133.100	10	100
		DN 25	153.500	168.900	8	80
		DN 32	273.000	300.300	6	48
		DN 40	383.000	421.300	4	32
		DN 50	640.000	704.000	2	18
24	 <p>VAN BI HỢP KIM TAY BƯỚM TURA - PN 10</p>	DN 15	46.500	51.200	12	120
		DN 20	61.500	67.700	10	100
25	 <p>VAN BI HỢP KIM TAY BƯỚM TUBO - PN 10</p>	DN 15	46.500	51.200	12	120
		DN 20	61.500	67.700	10	100
26	 <p>VAN BI HỢP KIM TAY GẠT TURA - PN 10</p>	DN 15	46.500	51.200	12	120
		DN 20	61.500	67.700	12	120
		DN 25	89.000	97.900	8	80
		DN 32	180.500	198.600	6	48
		DN 40	248.000	272.800	4	32
		DN 50	362.000	398.200	2	20
		DN 65	784.000	862.400	2	8
27	 <p>RỌ ĐỒNG MIHA - PN 12</p>	DN 15	46.000	50.600	15	150
		DN 20	75.500	83.100	15	150
		DN 25	128.000	140.800	12	72
		DN 32	195.000	214.500	12	72
		DN 40	258.000	283.800	8	48
		DN 50	355.000	390.500	6	36
		DN 65	641.000	705.100	2	12
		DN 80	840.000	924.000	1	12
		DN 100	1.586.000	1.744.600	1	8






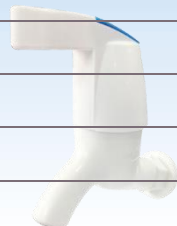
STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ (Chưa VAT)	GIÁ (Có VAT)	SỐ (Cái/ Hộp)	SỐ (Cái/ Thùng)	
28		RỌ ĐỒNG MBV - PN 10	DN 15	44.000	48.400	15	150
		DN 20	65.500	72.100	15	150	
		DN 25	100.000	110.000	12	72	
		DN 32	147.500	162.300	12	72	
		DN 40	216.000	237.600	8	48	
		DN 50	308.000	338.800	6	36	
		DN 65	569.900	626.900	2	12	
		DN 80	722.000	794.200	1	12	
		DN 100	1.255.000	1.380.500	1	6	
29		RỌ ĐỒNG MI - PN 10	DN 20	54.000	59.400	15	150
		DN 25	69.000	75.900	12	72	
		DN 32					
		DN 40	172.000	189.200	8	48	
		DN 50					
		DN 65	384.000	422.400	2	12	
		DN 80	495.000	544.500	1	12	
		DN 100	1.027.500	1.130.300	1	6	
30		Y LỌC ĐỒNG MIHA	DN 15	64.000	70.400	12	120
		DN 20	102.000	112.200	10	100	
		DN 25	163.000	179.300	6	60	
		DN 32	282.000	310.200	2	24	
		DN 40	399.000	438.900	2	24	
		DN 50	695.000	764.500	1	16	
31		VAN PHAO ĐỒNG MIHA - PN 12	DN 15	167.000	183.700	10	100
		DN 20	225.800	248.400	10	60	
		DN 25	269.000	295.900	6	48	
		DN 32	696.000	765.600	4	24	
		DN 40	916.000	1.007.600	4	24	
		DN 50	1.500.000	1.650.000	2	12	
32		VAN PHAO ĐỒNG MBV - PN 10	DN 15	147.000	161.700	10	100
		DN 20	192.200	211.400	10	60	
		DN 25	231.000	254.100	6	50	
33		VAN PHAO ĐỒNG MI - PN 10	DN 15	99.000	108.900	10	100


STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ (Chưa VAT)	GIÁ (Có VAT)	SỐ (Cái/ Hộp)	SỐ (Cái/ Thùng)
34	VÒI VƯỜN ĐỒNG MA VÀNG 24K MIHA - XK	DN 15	345.000	379.500		
		DN 20	400.000	440.000		
	VÒI VƯỜN ĐỒNG MẠ CROM MIHA - XK	DN 15	117.900	129.700	10	60
35		DN 20	138.200	152.000	10	60
	VÒI VƯỜN ĐỒNG MIHA - XK	DN 15	105.000	115.500	10	60
36		DN 20	111.500	122.700	10	60
	VÒI VƯỜN ĐỒNG TAY NHÔM MIHA - PN 16	DN 15	91.500	100.700	10	60
37		DN 20	112.500	123.800	10	60
	VÒI VƯỜN ĐỒNG TAY INOX MIHA - PN 16	DN 15	91.500	100.700	10	60
38		DN 20	112.500	123.800	10	60
		DN 25	198.500	218.400		48
		DN 15x20	124.500	137.000		60
	VÒI VƯỜN ĐỒNG MẠ TAY NHÔM BẢO TỬ BÔNG MIHA - PN 16	DN 15	115.000	126.500	10	60
39		DN 20	138.200	152.000	10	60

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ (Chưa VAT)	GIÁ (Có VAT)	SỐ (Cái/ Hộp)	SỐ (Cái/ Thùng)
40	VÒI VƯỜN ĐỒNG MẠ TAY NHOM BẢO PHIM MIHA - PN 16	DN 15	120.900	133.000	10	60
		DN 20	144.200	158.600	10	60
41	VÒI THƯỜNG ĐỒNG MIHA - PN 16	DN 15	67.900	74.700	10	60
						
42	VÒI VƯỜN ĐỒNG TAY NHOM MBV - PN 10	DN 15	76.900	84.600	10	120
		DN 20	83.900	92.300	10	100
43	VÒI VƯỜN ĐỒNG TAY INOX MBV - PN 10	DN 15	76.900	84.600	10	120
		DN 20	83.900	92.300	10	100
44	VÒI VƯỜN ĐỒNG MẠ TAY NHOM TỬ BÔNG MBV - PN 10	DN 15	84.000	92.400	10	120
		DN 20	101.500	111.700	10	100
45	VÒI VƯỜN ĐỒNG MẠ TAY NHOM BẢO PHIM MBV - PN 10	DN 15	89.900	98.800		60
		DN 20	107.400	118.100		60

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ (Chưa VAT)	GIÁ (Có VAT)	SỐ (Cái/ Hộp)	SỐ (Cái/ Thùng)
46	VÒI MÁY GIẶT MIHA - PN 12					
		DN 15	98.000	107.800	10	60
47	VÒI VƯỜN ĐỒNG MI - PN 10					
		DN 15	47.700	52.500	10	120
		DN 20	61.900	68.100	10	100
48	VÒI ĐỒNG CÓ ĐẦU VÒI RUMINE - PN16					
		DN 15	104.000	114.400	10	60
		DN 20	119.700	131.700	10	60
49	VÒI ĐỒNG RUMINE - PN16					
		DN 15	88.000	96.800	10	60
50	VÒI VƯỜN ĐỒNG MH - PN 10					
		DN 15	63.500	69.900	10	120
		DN 20	67.000	73.700	10	120
51	VÒI VƯỜN ĐỒNG MINI - PN 10					
		DN 15	40.500	44.600	10	120
		DN 20	47.500	52.300	10	120

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ (Chưa VAT)	GIÁ (Có VAT)	SỐ (Cái/ Hộp)	SỐ (Cái/ Thùng)
52	VÒI VƯỜN HỢP KIM DALING-PN 10	DN 15	51.200	56.300	10	120
						
	DN 20	61.200	67.300	10	120	
53	VÒI VƯỜN HỢP KIM BAO PHIM DALING-PN 10	DN 15	57.000	62.700		60
						
	DN 20	67.000	73.700		60	
54	VÒI VƯỜN HỢP KIM TURA - PN 10	DN 15	43.000	47.300	10	120
						
	DN 20	57.700	63.500	10	120	
55	VÒI VƯỜN HỢP KIM BAO PHIM TURA - PN 10	DN 15	48.800	53.700	10	60
						
	DN 20	65.500	69.900	10	60	
56	VÒI NHỰA TAY XOAYMH MÀU TRẮNG, XANH	DN 15	15.700	17.300		100
						
	DN 20	18.000	19.800			
57	VÒI NHỰA TAY XOAY NỐI ỚNG MỀM ĐỒNG TÍNH MÀU TRẮNG, XANH	DN 15	21.000	23.100		100
						
	DN 20	25.000	27.500			

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ (Chưa VAT)	GIÁ (Có VAT)	SỐ (Cái/ Hộp)	SỐ (Cái/ Thùng)
58	VÒI NHỰA TAY XOAY NƠI LÔNG MỀM NHỰA MỀM MÀU TRẮNG, XANH	DN 15	19.000	20.900		100
		DN 20	23.200	25.500		
59	VÒI NHỰA NÚM VẶN MỀM MÀU TRẮNG, XANH	DN 15	20.000	22.000		100
		DN 20	25.000	27.500		
60	VÒI NHỰA NÚM VẶN NƠI LÔNG MỀM ĐỒNG MỀM MÀU TRẮNG, XANH	DN 15	27.900	30.700		100
		DN 20	29.500	32.500		
61	VÒI NHỰA NÚM VẶN NƠI LÔNG MỀM NHỰA MỀM MÀU TRẮNG, XANH	DN 15	22.000	24.200		100
		DN 20	27.000	29.700		
62	VÒI NHỰA TAY GẠT 90° MỀM	DN 15	13.500	14.900		200
		DN 20	14.500	15.900		
63	VÒI NHỰA TAY GẠT ĐI A CERAMIC	DN 15	22.200	24.400		
		DN 20	23.000	25.300		

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ (Chưa VAT)	GIÁ (Có VAT)	SỐ (Cái/ Hộp)	SỐ (Cái/ Thùng)
64	VÒI NHỰA TAY GẠT ĐĨA CERAMIC NỐI ỚNG MỀM NHỰA 	DN 15	22.800	25.000		
		DN 20	23.900	26.300		

ĐỒNG HỒ MINH HÒA

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM


ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ/CÁI

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ (Chưa VAT)	GIÁ (Có VAT)	SỐ (Cái/Hộp)	SỐ (Cái/Thùng)
1	ĐH LOẠI TỬ ĐA TIA, KHUY ĐỒNG THÂN NHỰA ABS, KHÔNG RẮC CỎ MH - **E	DN 15	290.000	319.000	1	10
		DN 20	298.000	327.800	1	10
		DN 25	355.000	390.500	1	10
2	ĐH LOẠI TỬ ĐA TIA, THÂN NHỰA CÓ RẮC CỎ MD - **	DN 15	130.500	143.500	1	10
		DN 20	189.000	207.900	1	10
3	ĐH LOẠI TỬ ĐA TIA, THÂN ĐỒNG KHÔNG RẮC CỎ MHV - **	DN 15	380.000	418.000	1	10
						
4	RẮC NHỰA - ĐỒNG HỒ	DN 15	7.000	7.700		
						
5	VAN 1C NHỰA		4.500	5.000		
						
6	HỘP BẢO VỆ ĐH BANG NHỰA		280.000	308.000		
						
7	HỘP BẢO VỆ ĐH BANG SẮT		99.000	108.900		
						
8	HỘP BẢO VỆ ĐH BANG INOX		115.000	126.500		
						

VAN GÓC ĐỒNG CỨU HỎA

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ/CÁI

STT	TÊN	QUY CÁCH	GIÁ (Chưa VAT)	GIÁ (Có VAT)	SỐ (Cái/ Hộp)	SỐ (Cái/ Thùng)
1	VAN GÓC CỨU HỎA MIHA-PN20 	DN 50	850.000	935.000	1	12
		DN 65	1.250.000	1.375.000	1	8

VAN LẮP CỤM ĐỒNG HỒ NƯỚC

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ/CÁI

STT	TÊN	QUY CÁCH	GIÁ (Chưa VAT)	GIÁ (Có VAT)	SỐ (Cái/ Hộp)	SỐ (Cái/ Thùng)
1	VAN GÓC CÓ VAN 1 CHIỀU ĐỒNG TRƯỚC VÀ SAU ĐH MIHA-PN16	DN 15	103.200	113.520	10	80
2	VAN GÓC KHÔNG VAN 1 CHIỀU ĐỒNG MIHA-PN16	DN 15	96.100	105.710	10	80
3	VAN GÓC CÓ VAN 1 CHIỀU ĐỒNG MẠ NIKEN TRƯỚC VÀ SAU ĐH MIHA-PN16	DN 15	125.400	137.940	10	80
4	VAN GÓC KHÔNG VAN 1 CHIỀU ĐỒNG MẠ NIKEN MIHA-PN16	DN 15	120.800	132.880	10	80
5	VAN GÓC KHÔNG VAN 1 CHIỀU ĐỒNG MẠ NIKEN MIHA-PN16 LOẠI 7D	DN 15	158.700	174.570	6	60
6	VAN GÓC CÓ VAN 1 CHIỀU ĐỒNG TAY KHÓA MIHA-PN16	DN 15	114.700	126.170	10	80
7	VAN GÓC KHÔNG VAN 1 CHIỀU ĐỒNG TAY KHÓA MIHA-PN16	DN 15	107.600	118.360	10	80
8	VAN GÓC NỐI NHANH KHÔNG VAN 1 CHIỀU ĐỒNG MIHA-PN16 (VAN GÓC NỐI BĂM)	DN 15*20	117.300	129.030	10	80
9	VAN GÓC NỐI NHANH KHÔNG VAN 1 CHIỀU ĐỒNG MIHA-PN16 (VAN GÓC NỐI BĂM)	DN 15*25	126.500	139.150	10	80
10	VAN GÓC NỐI NHANH CÓ VAN 1 CHIỀU ĐỒNG MIHA-PN16 (VAN GÓC NỐI BĂM)	DN 15*20	125.400	137.940	10	80
11	VAN GÓC NỐI NHANH CÓ VAN 1 CHIỀU ĐỒNG MIHA-PN16 (VAN GÓC NỐI BĂM)	DN 15*25	135.700	149.270	10	80

STT	TÊN	QUY CÁCH	GIÁ (Chưa VAT)	GIÁ (Có VAT)	SỐ (Cái/ Hộp)	SỐ (Cái/ Thùng)
12	VAN GÓC LIÊN HỢP CÓ VAN 1 CHIỀU ĐỒNG MIHA-PN16	DN 15	122.700	134.970	10	80
13	VAN GÓC LIÊN HỢP KHÔNG VAN 1 CHIỀU ĐỒNG MIHA-PN16	DN 15	116.400	128.040	10	80
		DN 20	169.100	186.010		
14	VAN GÓC LIÊN HỢP ĐỒNG KHÔNG 1C 1" X 3/2" TAY ABS MIHA-PN16	DN 25*32	402.500	442.750		
15	VAN GÓC LIÊN HỢP ĐỒNG KHÔNG 1C 25x32 - 5D TAY ABS MIHA-PN16	DN 25*32	506.000	556.600		
16	VAN GÓC LIÊN HỢP CÓ VAN 1 CHIỀU ĐỒNG MẠ NIKEN MIHA-PN16	DN 15	142.600	156.860	10	80
17	VAN GÓC LIÊN HỢP KHÔNG VAN 1 CHIỀU ĐỒNG MẠ NIKEN MIHA-PN16	DN 15	134.600	148.060	10	80
18	VAN GÓC LIÊN HỢP KHÔNG VAN 1 CHIỀU ĐỒNG LOẠI 5D MIHA-PN16	DN 15	158.700	174.570	10	80
19	VAN GÓC LIÊN HỢP KHÔNG VAN 1 CHIỀU ĐỒNG LOẠI 5D TAY KHÓA MIHA-PN16	DN 15	170.200	187.220	10	80
20	VAN GÓC LIÊN HỢP CÓ VAN 1 CHIỀU ĐỒNG TAY KHÓA MIHA-PN16	DN 15	150.700	165.770	10	80
21	VAN GÓC LIÊN HỢP CÓ VAN 1 CHIỀU (TĐH) ĐỒNG TAY KHÓA MIHA-PN16	DN 15*20	143.800	158.180	10	80
22	VAN GÓC LIÊN HỢP KHÔNG VAN 1 CHIỀU ĐỒNG TAY KHÓA MIHA-PN16	DN 15	143.800	158.180	10	80
23	VAN BI LIÊN HỢP ĐỒNG LOẠI KẸN NGUAI MIHA-PN16	DN 15	85.100	93.610	10	80
		DN 20	103.200	113.520	10	80

STT	TÊN	QUY CÁCH	GIÁ (Chưa VAT)	GIÁ (Có VAT)	SỐ (Cái/ Hộp)	SỐ (Cái/ Thùng)
24	VAN BI LIÊN HỢP ĐỒNG LOẠI TAY GAI MIHA-PN16	DN 25	368.000	404.800		50
25	VAN BI LIÊN HỢP ĐỒNG MIHA LOẠI 1 ĐẦU KEN TRONG 15 MIHA-PN16	DN 20	103.200	113.520	10	80
26	VAN BI LIÊN HỢP ĐỒNG MA NIKEN MIHA-PN16	DN 20	120.200	132.220	10	80
27	VAN BI LIÊN HỢP ĐỒNG TAY KHÓA MIHA-PN16	DN 20	114.700	126.170	10	80
28	VAN BI LIÊN HỢP ĐỒNG TAY BƯỚM (VAN ĐỒNG, TAY ĐỒNG) MIHA-PN16	DN 20	117.300	129.030		
29	VAN BI ĐỒNG TAY KHÓA (GOM VAN BI, TAY KHÓA, ỐC MỤ) MIHA-PN16	DN 15	74.800	82.280		
		DN 20	101.800	111.980		
30	VAN CỬA ĐỒNG TAY KHOÁ MIHA-PN16	DN 15	98.300	108.130		
		DN 20	123.600	135.960		
31	CHOÒNG MỞ KHOÁ (TAY KHÓA)		172.500	189.750		
32	VAN BI ĐỒNG TAY BƯỚM HỢP KIM KHỚP NỐI ĐỘNG MIHA-PN16	DN 15	172.500	189.750		
33	VAN BI ĐỒNG TAY BƯỚM ĐỒNG KHỚP NỐI ĐỘNG MIHA-PN16	DN 15	189.800	208.780		
34	VAN BI ĐỒNG TAY KHÓA KHỚP NỐI TÍNH MIHA-PN16	DN 15	167.900	184.690		
35	VAN BI ĐỒNG TAY ĐỒNG KHỚP NỐI TÍNH MIHA-PN16	DN 15	167.900	184.690		



STT	TÊN	QUY CÁCH	GIÁ (Chưa VAT)	GIÁ (Có VAT)	SỐ (Cái/ Hộp)	SỐ (Cái/ Thùng)
36	KHỚP NỐI ĐỒNG HỒ ĐỘNG MIHA-PN16	DN 15	95.500	105.050	10	80
37	BỘ KHỞI THỦY	DN 15	217.400	239.140		80
38	CÚT NỐI LIÊN HỢP	3/4"xD25	85.000	93.500		80
39	NỐI REN LIÊN HỢP	DN 20	43.100	47.410	10	80
40	VAN GÓC LIÊN HỢP CÓ VAN 1 CHIỀU ĐỒNG 15*20 TAY ABS MIHA-PN16	DN 15*20	119.000	130.900		
41	VAN GÓC ĐỒNG CÓ VAN 1 CHIỀU (TĐH) TAY KHÓA 3/4F*1/2F MIHA-PN16	3/4F*1/2F	130.000	143.000		
42	VAN GÓC LIÊN HỢP CÓ VAN 1 CHIỀU (TĐH) TAY KHÓA 3/4"*25 MIHA-PN16	3/4"*25	147.200	161.920		
43	VAN BI LIÊN HỢP ĐỒNG MIHA-PN16	DN 20*20	90.900	99.990		
44	VAN BI ĐỒNG HỒ NỐI TÍNH KHÓA TỪ MIHA-PN16	DN 15	195.000	214.500		
45	VÒNG MỞ KHÓA ĐỒNG (TAY KHÓA TỪ)		37.000	40.700		
46	VÒNG MỞ KHÓA NHỰA (TAY KHÓA TỪ)		13.000	14.300		
47	VAN GÓC ĐỒNG KHÔNG 1 CHIỀU TAY KHÓA TỪ MIHA-PN16	DN 15	147.000	161.700		

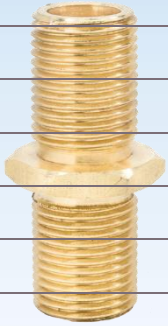

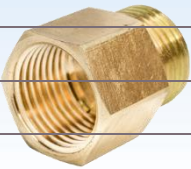
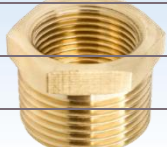
STT	TÊN	QUY CÁCH	GIÁ (Chưa VAT)	GIÁ (Có VAT)	SỐ (Cái/ Hộp)	SỐ (Cái/ Thùng)
48	VAN GÓC ĐỒNG KHÔNG 1 CHIỀU TAY KHÓA TỪ MẠ NIKEN MIHA-PN16	DN 15	155.000	170.500		
49	VAN GÓC ĐỒNG CÓ 1 CHIỀU (TĐH) TAY KHÓA TỪ MIHA-PN16	DN 15	154.000	169.400		
50	VAN GÓC ĐỒNG LIÊN HỢP KHÔNG 1 CHIỀU TAY KHÓA TỪ MIHA-PN16	DN15	166.000	182.600		
51	VAN GÓC ĐỒNG LIÊN HỢP CÓ 1 CHIỀU (TĐH) TAY KHÓA TỪ MIHA-PN16	DN 15	173.000	190.300		
52	VAN GÓC LIÊN HỢP ĐỒNG KHÔNG 1 CHIỀU TAY ABS MIHA-PN16	DN 15*20	112.700	124.000		
53	VAN GÓC ĐƠN NĂNG TAY KHÓA TỪ MIHA-PN16	DN15	191.900	211.100		
54	VAN GÓC ĐỒNG LIÊN HỢP ĐA NĂNG TAY KHÓA TỪ MIHA-PN16	DN15	217.900	239.700		

LINH KIỆN BẰNG ĐỒNG

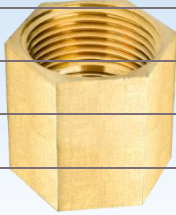
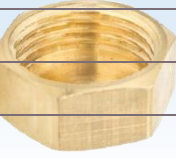
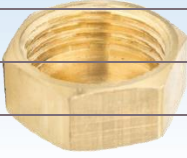

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ/CÁI

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ (Chưa VAT)	GIÁ (Có VAT)
1	CÚT ĐỒNG REN TRONG 	φ15	12.000	13.200
2	CÚT ĐỒNG REN NGOÀI	φ15	10.900	12.000
3	CÚT ĐỒNG REN TRONG REN NGOÀI	φ8	12.700	14.000
4	CÚT ĐỒNG NỐI ỒNG MỀM	φ15 x φ16	34.400	37.800
5	TÊ ĐỒNG REN TRONG	φ15	11.700	12.900
6	TÊ ĐỒNG REN NGOÀI NỐI ỒNG MỀM (TÊ CẦU) CÓ KÈM GIOĂNG	φ15	18.500	20.400
	MẠ NIKEN	φ15	23.500	25.900
	MẠ CROM	φ15	24.500	27.000
7	TÊ ĐỒNG REN NGOÀI 	φ15	15.900	17.500


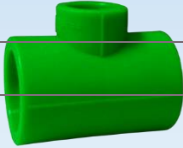
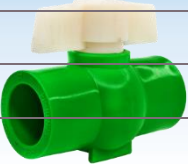
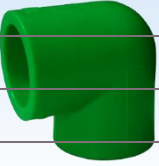
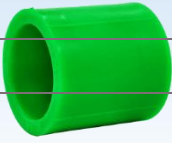
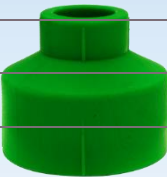

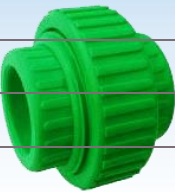
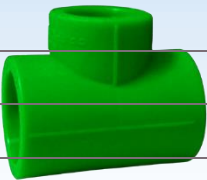
STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ (Chưa VAT)	GIÁ (Có VAT)	
8		KÉP ĐỒNG	φ15 - L29mm	5.900	6.500
		φ15 - L29MH (Hàng dày)	8.500	9.400	
		φ15 - L34mm	7.100	7.800	
		φ15 - L34MH (Hàng dày)	9.900	10.900	
		φ15 - L59	25.700	28.200	
		φ20 L35	12.300	13.500	
		φ20MH L35 (Hàng dày)	16.900	18.600	
		φ25 L37	18.400	20.200	
		φ25MH L37 (Hàng dày)	24.500	27.000	
		φ32	29.200	32.100	
		φ40	65.600	72.200	
φ50	81.300	89.400			
9		KÉP THU ĐỒNG	φ15 x φ8 x L23,5	4.600	5.100
		φ15 x φ8 x L23,5 MH (Hàng dày)	7.300	8.000	
		φ10 x φ8	4.800	5.300	
		φ15 x φ10	4.800	5.300	
		φ15 x φ10 x L25,5	5.600	6.200	
		φ15 x φ10 x L25,5 MH(Hàng dày)	8.000	8.800	
		φ20 x φ10	14.900	16.400	
		φ20 x φ15	14.900	16.400	
		φ20 x φ15 MH (Hàng dày)	15.300	16.800	
		φ20 x φ6	13.500	14.900	
		φ20 x φ8	14.200	15.600	
φ8 x φ6	3.400	3.700			
10		LỜ ĐỒNG	φ15 - L15.5mm	3.700	4.100
		φ15 - L25.5mm	6.400	7.000	
		φ15 - L25.5mm MH (Hàng dày)	10.300	11.300	
		φ15 - L29.5mm	7.100	7.800	
		φ15 - L29.5mm MH (Hàng dày)	15.300	16.800	
		φ15 - L33mm	10.700	11.800	
11		LỜ THU ĐỒNG	φ15 x φ10	4.800	5.300
		φ15 x φ6	7.400	8.100	
		φ15 x φ8 - L16	4.600	5.100	
		φ15 x φ8 - L16 MH (Hàng dày)	7.600	8.400	
		φ20 x φ10	11.700	12.900	

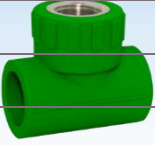
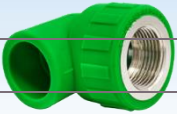
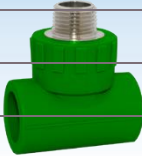

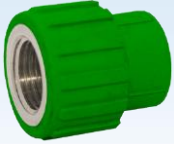



STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ (Chưa VAT)	GIÁ (Có VAT)	
11		LỚ THU ĐỒNG	φ20 x φ15 - L12.7	5.900	6.500
			φ20 x φ15 - L18	7.300	8.000
			φ20 x φ15 - L18 MH	12.300	13.500
			φ20 x φ6	14.400	15.800
			φ20 x φ8	13.300	14.600
			φ50 x φ32	77.400	85.100
		LỚ THU ĐỒNG	φ10 x φ6	4.800	5.300
		REN TRONG REN NGOÀI	φ10 x φ8	3.700	4.100
			φ15 x φ10	5.900	6.500
			φ15 x φ6	8.500	9.400
			φ15 x φ8	7.500	8.300
			φ20 x φ20	12.300	13.500
12		ĐUÔI ĐỒNG HỒ & RẮC CỌ	φ15 L42	20.500	22.600
			φ15 - A	13.700	15.100
			φ15 - L37	19.400	21.300
			φ20	35.000	38.500
			φ25	53.300	58.600
			φ32	84.600	93.100
			φ40	140.500	154.600
			φ50	249.800	274.800
13		NỐI NHANH ỐNG MỀM BĂNG ĐONG REN NGOÀI	φ15 x φ10	5.400	5.900
			φ15 x φ12,7	12.900	14.200
			φ15 x φ21	18.400	20.200
			φ15 x φ6	4.300	4.700
			φ15 x φ8	4.600	5.100
			φ15 x φ16	6.700	7.400
			φ20 x φ8	8.100	8.900
			φ20 x φ18	10.300	11.300
			φ8 x φ8 (M1/4 x 8) L36	3.200	3.500
			φ8 x φ10 (M1/4 x10) L36	3.400	3.700
			φ8 x φ12 (M1/4 x12) L36	3.900	4.300
14		NỐI NHANH ỐNG MỀM BĂNG ĐONG REN TRONG	φ8 x φ8 (F1/4 x 8) L36	3.600	4.000
			φ8 x φ10 (F1/4 x10) L36	3.900	4.300
			φ8 x φ12 (F1/4 x12) L36	4.200	4.600

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ (Chưa VAT)	GIÁ (Có VAT)
15		MĂNG SÔNG ĐỒNG φ10 L23	6.900	7.600
		φ15 - L21.5	5.500	6.100
		φ15 - L25	6.600	7.300
		φ15 - L29	8.000	8.800
		φ15 - L29 MH (H.dày)	16.000	17.600
		φ20 - L23	9.600	10.600
		φ20 - L30	11.400	12.500
16		MĂNG SÔNG ĐỒNG NỐI ỚNG MỀM φ15xφ16	20.100	22.100
17		NÚT BỊT ĐỒNG REN TRONG φ15	3.600	4.000
		φ20	6.400	7.000
18		NÚT BỊT ĐỒNG REN NGOÀI φ15	3.200	3.500
		φ20	4.600	5.100
19		TÚM ĐỒNG φ15F*20M	10.500	11.600
		φ20F*25M	19.500	21.500

VAN VÀ PHỤ KIỆN PP-R MINH HÒA**SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM THEO TIÊU CHUẨN ĐỨC - DIN 8077-8078**

ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ/CÁI

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	KÍCH THƯỚC (mm)	GIÁ (Có VAT)	STT	TÊN - HÌNH ẢNH	KÍCH THƯỚC (mm)	GIÁ (Có VAT)
1	VAN CỬA PP-R	20	138.000	7	TÊ THU	20-25-20	7.600
		25	157.000			32-20-32	13.400
		32	224.000			40-20-40	29.500
		40	380.000			50-20-50	52.400
		50	595.000			32-25-32	15.400
		63	922.000			40-25-40	29.500
2	VAN BÍ	20	17.900			50-25-50	
		25	27.900			63-25-63	91.200
		32	42.900			40-32-40	29.500
3	CÚT 90°	20	4.200			50-32-50	
		25	5.600			63-32-63	
		32	9.700			50-40-50	
		40	16.100		63-40-63		
		50	28.000		63-50-63		
		63	85.800				
4	MĂNG SÔNG	20	2.200	8	CON THU	25-20	3.500
		25	3.800			32-20	4.900
		32	5.800			40-20	7.600
		40	9.300			50-20	13.700
		50	16.900			32-25	4.900
		63	35.300			40-25	7.600
5	CHẼCH 45°	20	3.500			50-25	13.700
		25	5.600			63-25	26.500
		32	8.400			40-32	7.600
		40	16.800			50-32	13.700
		50	32.000			50-40	13.700
		63	74.200			63-40	26.500
6	RẮC CO NHỰA	20	27.600	9	TÊ ĐỀU	20	4.900
		25	42.900			25	7.600
		32	62.400			32	12.500
		40	68.900			40	20.100
		50	105.200			50	40.200
						63	96.400

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	KÍCH THƯỚC (mm)	GIÁ (Có VAT)	STT	TÊN - HÌNH ẢNH	KÍCH THƯỚC (mm)	GIÁ (Có VAT)
10		TÊ REN TRONG	20x1/2"	14		CÚT REN TRONG	20x1/2"
		25x1/2"	30.900			25x1/2"	30.700
		25x3/4"	33.100			25x3/4"	34.800
		32x1"	48.200			32x1"	46.900
11		TÊ REN NGOÀI	20x1/2"	15		CÚT REN NGOÀI	20x1/2"
		25x1/2"	38.100			25x1/2"	43.100
		25x3/4"	41.300			25x3/4"	48.800
		32x1"	52.600			32x1"	60.500
12		MANG SÔNG REN TRONG	20x1/2"	16		MANG SÔNG REN NGOÀI	20x1/2"
		25x1/2"	27.600			25x1/2"	35.000
		25x3/4"	34.100			25x3/4"	40.800
		32x1"	37.600			32x1"	48.900
		40x1.1/4"	61.300			40x1.1/4"	72.100
		50x1.1/2"	159.900			50x1.1/2"	219.700
63x2"	216.200	63x2"	274.100				
13		RĂCCORE TRONG	20x1/2"	17		RĂCCORE NGOÀI	20x1/2"
		25x3/4"				25x3/4"	70.000
		32x1"				32x1"	104.900
						32x1"	174.800



Mọi chi tiết xin liên hệ:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ & ĐẦU TƯ AN BÌNH

Đ/C: Số 42 Ngõ 245/116 Định Công - Hoàng Mai - HN

Tel: **0243 6425158** - Mobile: **0904 66 28 28**

Gmail PKD: pkdanbinh68@gmail.com

Gmail PKT: anbinh183@gmail.com

www.anbinh68.com

